

Số:/2022/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Các nội dung biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Nhiệm kỳ Bốn (2022-2027)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP TVTK Cầu đường;
- Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty năm 2021 đã được kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Nghị quyết phiên họp thường kỳ thứ Hai mươi một, quý I, năm 2022 (nhiệm kỳ 2017-2022) của Hội đồng quản trị Công ty CP TVTK Cầu đường ngày 17/3/2022 về việc thông qua các nội dung chương trình ĐHĐCĐ Nhiệm kỳ Bốn (2022-2027);
- Căn cứ văn bản số 621/TEDI-HĐQT ngày 12/3/2022 của HĐQT Tổng công ty TVTK GTVT-CTCP về việc thông qua các nội dung đề NĐ DPV biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2022;

Hội đồng quản trị Công ty CP TVTK Cầu đường trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2021

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty CP TVTK Cầu đường đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Năm 2020	Năm 2021
1	Tổng tài sản	44.585.617.155	65.176.791.534
2	Tổng doanh thu	41.022.520.663	35.604.854.167
3	Lợi nhuận trước thuế	1.616.623.154	2.632.459.172
4	Lợi nhuận sau thuế	1.300.830.409	2.074.368.365
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu	3,17%	5,83%
6	Lãi cơ bản/ cổ phiếu	1.437	2.292
7	Phát sinh nộp NSNN	2.686.751.632	3.023.917.547
8	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.485.000	12.476.000
9	Tổng mức đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ	1.271.334.545	247.878.180

2. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty CP TVTK Cầu đường đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, lợi nhuận sau thuế của Công ty là **2.074.368.365 đồng**, phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Vốn điều lệ	9.050.000.000		
II	Số cổ phần <i>Trong đó:</i> - Số cổ phần đang lưu hành	905.000 905.000		
III	Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2021	2.074.368.365		
IV	Lợi nhuận sau thuế các năm trước	944.799.586		
V	Phương án phân phối năm 2021	3.019.167.951		
1	Cổ tức (2.500đ/CP x 905.000CP) <i>Trong đó :</i> Trả bằng cổ phiếu (1.050.000đ/CP) Trả bằng tiền mặt (1.450.000đ/CP)	2.262.500.000 950.000.000 1.312.500.000	25% VDL	(*)
2	Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban QLĐH	103.718.000	5% LNST	
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	414.874.000	20% LNST	
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	238.075.951		

(*) Số liệu chi trả cổ tức thực tế sẽ được điều chỉnh phù hợp với thời điểm chốt danh sách cổ đông được nhận cổ tức trong thông báo trả cổ tức năm 2021 của Công ty.

3. Quyết toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021

Quyết toán thù lao năm 2021 của thành viên không chuyên trách HĐQT, BKS năm 2021 là 158.561.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn đồng*), bằng 0,45% tổng doanh thu.

4. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2022-2026

* Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ % KH/TH2021
1	Tổng tài sản	65.177	43.400	66,59%
2	Giá trị sản lượng	41.800	42.000	100,48%
3	Tổng doanh thu	35.605	36.000	98,30%

ST T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ % KH/TH2021
4	Lợi nhuận trước thuế	2.632	2.745	104,29%
5	Lợi nhuận sau thuế	2.074	2.196	105,88%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng doanh thu	5,82%	6,1%	104,81%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu ROE	22,92%	21,96%	95,81%
8	Lãi cơ bản/CP	2.292	2.196	95,81%
9	Phát sinh phải nộp NSNN	3.024	3.224	106,61%
10	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12,476	12,500	100,19%
11	Đầu tư XD CB và mua sắm TSCĐ	248	888	358,06%
12	Cổ tức % vốn điều lệ, trong đó: - Trả bằng tiền mặt - Trả bằng cổ phiếu	25% 1.312,5 950	14% 1.400	

* Kế hoạch sản xuất kinh doanh trung hạn 5 năm 2022-2026

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2022-2026					% tăng trưởng BQ
			2022	2023	2024	2025	2026	
1	Tổng tài sản	65.177	43.400	43.900	44.300	44.700	45.200	1%
2	Giá trị sản lượng	41.800	42.000	44.100	46.305	48.620	51.051	5%
3	Tổng doanh thu	35.605	36.000	37.800	39.690	41.675	43.758	5%
4	Lợi nhuận trước thuế	2.632	2.745	2.930	3.125	3.334	3.555	6,65%
5	Lợi nhuận sau thuế	2.074	2.196	2.344	2.500	2.667	2.844	6,65%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng doanh thu	5,83%	6,1%	6,2%	6,3%	6,4%	6,5%	1,6%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu ROE	22,92%	21,96%	23,44%	25,00%	26,67%	28,44%	6,66%
8	Lãi cơ bản/cổ phiếu (đ/CP)	2.292	2.196	2.344	2.500	2.667	2.844	6,66%

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2022-2026					
			2022	2023	2024	2025	2026	% tăng trưởng BQ
9	Phát sinh nộp NSNN	3.024	3.224	3.380	3.560	3.730	3.920	5,01%
10	Thu nhập bình quân (tr.đ/ng/tháng)	12,476	12,500	13,000	13,500	14,000	15,000	4,67%
11	Đầu tư XDCB & mua sắm TSCĐ	248	888	800	700	650	500	
12	Cổ tức % vốn điều lệ, trong đó: - Trả bằng tiền mặt - Trả bằng CP	25% 1.312,5 950	14%	15%	16%	17%	18%	6,49%

Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm sẽ được ĐHĐCĐ điều chỉnh phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty.

5. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022

Cổ tức	1.400.000.000 đồng	14% vốn điều lệ
Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban QLĐH	109.800.000 đồng	5% LNST
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	439.200.000 đồng	20% LNST
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	247.000.000 đồng	11,25% LNST
Tổng số	2.196.000.000 đồng	

6. Dự toán Quỹ thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2022

Dự toán thù lao thành viên HĐQT, BKS kế hoạch năm 2022 là 162 triệu đồng, bằng 0,45% tổng doanh thu (không vượt quá 0,5% doanh thu), cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chức danh	Số lượng	Hệ số	Số tháng làm việc	Mức thù lao /người/tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	1,0	12	2.368.417	28.421.000
2	Phó CT HĐQT	1	0,9	12	2.131.583	25.579.000
3	Thành viên HĐQT	3	0,8	12	1.894.750	68.211.000
4	Trưởng BKS	1	0,6	12	1.421.083	17.053.000
5	Thành viên BKS	2	0,4	12	947.333	22.736.000
	Tổng cộng:	8				162.000.000

Quỹ thù lao thực tế của thành viên HĐQT, BKS sẽ được điều chỉnh theo kết quả sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

7. Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

8. Tăng vốn điều lệ

- Vốn điều lệ hiện tại: 9,050 tỷ đồng;
- Số vốn điều lệ tăng: 0,950 tỷ đồng;
- Vốn điều lệ sau khi tăng: 10,00 tỷ đồng;
- Nguồn tăng vốn điều lệ: Từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm trước.
- Hình thức tăng vốn điều lệ: Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.
- Thời gian tăng vốn điều lệ: Sau khi có nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022.

9. Sửa đổi Điều lệ Công ty

- Sửa đổi Khoản 1, Điều 7 - Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

- Sửa đổi Khoản 2, Điều 7 - Cơ cấu vốn phân theo chủ sở hữu:

a) Vốn thuộc sở hữu của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải-CTCP góp 5.096.350.000 VNĐ (*Bằng chữ: Năm tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*) tương ứng 509.635 cổ phần phổ thông, chiếm 50,9635% vốn điều lệ Công ty.

b) Vốn thuộc sở hữu các cổ đông là cá nhân: 4.903.650.000 VNĐ (*Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm linh ba triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) tương ứng 490.365 cổ phần phổ thông, chiếm 49,0635% vốn điều lệ Công ty.

c) Cập nhật sửa đổi các điều khoản có thay đổi theo Luật Doanh nghiệp 2020 và các nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan theo mẫu Điều lệ của Tổng công ty.

10. Xây dựng các quy chế

- Quy chế nội bộ quản trị công ty tuân thủ Điều lệ Công ty và mẫu Quy chế của Tổng công ty;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ Công ty và mẫu Quy chế của Tổng công ty;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ Điều lệ Công ty và mẫu Quy chế của Tổng công ty;

9. Chiến lược phát triển giai đoạn 2022-2027

- Mục tiêu tổng quát

Đảm bảo kế hoạch mục tiêu đến năm 2026 Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 và cả nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

- + Tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu không thấp hơn 5%/năm;
- + Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu không thấp hơn 6%/năm;
- + Cổ tức bình quân 5 năm không thấp hơn 15% vốn điều lệ.

- Chiến lược phát triển

+ *Về ngành nghề*: Xây dựng công ty phát triển toàn diện trên cơ sở các ngành nghề truyền thống có tính mũi nhọn: cầu hầm; đường bộ; tư vấn giám sát; phát triển lĩnh vực mới tập trung vào các ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị, đường sắt trên cao v.v...

+ *Về thị phần*: Tăng tối đa thị phần các ngành nghề truyền thống của công ty, trong đó lấy việc gia tăng giá trị, hiệu quả thu được từ nâng tầm chất lượng tư vấn trong mỗi sản phẩm, dịch vụ là cốt lõi và ưu tiên. Duy trì khai thác các thị trường truyền thống, tiềm lực như Bộ GTVT, các tỉnh thành phố lớn, nhà đầu tư có nguồn lực mạnh.

+ *Về tài chính*: Có thương hiệu uy tín, hệ thống quản trị tiên tiến, nâng cao trình độ chuyên nghiệp quản lý tài chính, kinh doanh; từng bước hạch toán chi phí theo hợp đồng, dự án.

+ *Về công tác cán bộ, nguồn nhân lực*: Xây dựng được một số chuyên gia đầu ngành các lĩnh vực; tiếp tục đẩy mạnh tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng trong các năm tới.

+ *Về khoa học công nghệ*: Tiếp cận mạnh mẽ ứng dụng các khoa học công nghệ tiên tiến của thế giới; hiện đại hóa công tác khảo sát, tư vấn, thiết kế thông qua việc tăng năng lực máy móc thiết bị và phần mềm ứng dụng. Đẩy nhanh việc áp dụng mô hình BIM trong quá trình tạo sản phẩm.

+ *Về công tác truyền thông, quản trị thương hiệu*: Duy trì và phát triển thương hiệu TEDI-RECO trong nước, khu vực và quốc tế.

Hội đồng quản trị Công ty CP TVTK Cầu đường kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT (chỉ đạo th/h);
- Ban KS CTy (biết);
- Các phòng QLCN (th/h);
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Minh Dũng